

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày: 22- 8 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 792/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà V, số 72 LTT, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng T1 – Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền số 39/2022/EIB/UQ-TGD ngày 06/5/2022;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Duy T – Phó

phòng Khách hàng cá nhân Ex Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền số 50/2022/EIB/QNG-UQL ngày 22/12/2022.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V , sinh năm 1980

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Q , sinh năm 1981
- Bà Huỳnh Thị Hồng Đ, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: 04 Trần Anh Tế, phường N , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường N , thị xã Đức Phổ; Địa chỉ: 23 Đỗ Quang Thắng, phường N , thị xã Đức Phổ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Th – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N .

Người đại diện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hồng Đ có mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh V , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q và Ủy ban nhân dân phường N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/12/2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam là ông Nguyễn Duy Tâm trình bày:

Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam và anh Nguyễn Thanh V có ký 2 hợp đồng:

Ngày 20/01/2021 Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-210005623 cho anh Nguyễn Thanh V vay số tiền 1.320.000.000 đồng. Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh quán cà phê và mua bán cà phê nước giải khát các loại. Thời hạn vay: 12 tháng; kể từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/01/2023. Kỳ hạn gốc: Trả 1 lần khi đáo hạn khoản vay, trả lãi vào ngày 21 hàng tháng, lãi suất: theo quy định của ngân hàng tại từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 19/12/2022, ông Nguyễn Thanh V đã trả cho ngân hàng tiền lãi là 102.605.218 đồng và tiền gốc là 0 đồng. Đến tháng 12/2022 anh Nguyễn Thanh V có vay tổ chức tín dụng khác và trả nợ không đúng hạn nên khoản vay đã chuyển sang nợ nhóm 2, vì vậy toàn bộ số nợ tại Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam đã chuyển sang nợ nhóm 2 liên đới. Đến ngày 22/8/2023, anh Nguyễn Thanh V còn nợ ngân hàng 1.446.641.971 đồng, trong đó tiền gốc 1.320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 16.231.480 đồng, lãi quá hạn 109.361.096 đồng, lãi chậm trả 1.049.395 đồng.

Ngày 21/01/2021 ngân hàng có phát hành cho ông Nguyễn Thanh V thẻ tín dụng cụ thể như sau: Số tiền: 20.000.000 đồng, Mục đích: Tiêu dùng, lãi suất theo thỏa thuận với ngân hàng. Anh V đã sử dụng thẻ tín dụng và cam kết nhận

nợ, tính đến ngày 22/8/2023 anh V còn ngân hàng 20.185.018 đồng, trong đó nợ gốc 14.587.319 đồng, nợ lãi 5.597.699 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, các bên đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 16/2021/HĐTC-CN ngày 21/1/2021 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thị xã Đức Phổ ngày 21/01/2021. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 22, thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ (nay là phường N, thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất do anh Nguyễn Thanh V làm chủ sở hữu.

Cả hai lần cho vay tín dụng và vay qua phát hành thẻ tín dụng thì chị Nguyễn Thị Q, vợ anh V đều biết. Anh V và chị Q đều cam kết nếu không trả được nợ sẽ xử lý tài sản để trả nợ.

Nay ngân hàng yêu cầu anh V, chị Q phải trả ngay tiền gốc và tiền lãi của hai khoản nợ trên là 1.466.826.989 đồng. Ngoài ra anh V, chị Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi anh V, chị Q thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị phát hành thẻ.

Trường hợp anh V, chị Q không trả được nợ hoặc không trả đầy đủ nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 52 tờ bản đồ số 22 phường N, thị xã Đức Phổ, diện tích 192,4 m² để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hồng Đ trình bày:

Vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng Đ có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh V, chị Nguyễn Thị Q một lô đất để xây dựng quán cà phê để kiếm sống và nuôi con nhỏ, nhưng vợ chồng anh V, chị Q nợ nần nên đã bỏ đi xa, không liên lạc được. Hiện nay bà là người quản lý quán cà phê. Phần đất phía Nam quán cà phê là do anh V mượn đất của UBND phường N để mở rộng diện tích buôn bán, khi nào UBND phường N lấy lại đất, anh V sẽ trả lại. Ngày 25/7/2023 anh V trở về nhà và ủy quyền cho bà thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và chi phí khác phát sinh từ hợp đồng thế chấp số 236 do Phòng Công Chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi chứng nhận ngày 21/1/2021 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CC 645613, sổ vào sổ cấp GCN: CS02530 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/1/2016 do anh Nguyễn Thanh V sở hữu.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Q có biết anh V vay có thế chấp và một thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam. Anh V thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 22 phường N, thị xã Đức Phổ. Thửa đất này trước đây vợ chồng chị mở quán cà phê, hiện nay do mẹ chồng chị là bà Huỳnh Thị Hồng Đ đang sử dụng, mảnh đất kế bên là mượn đất công của nhà nước. Nay Ngân hàng TMCP

XNK Việt Nam kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi liên quan, chị Q thống nhất về khoản nợ nhưng không liên lạc được với anh V và chị cũng không có khả năng trả nợ nên chị đồng ý việc ngân hàng thanh lý tài sản mà anh V đã thế chấp tại thửa đất nêu trên. Vì lý đang làm ăn xa nên chị không thể tham sự phiên tòa, chị đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt chị. Chị ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Hồng Đ, mọi ý kiến của bà Đ là ý kiến của chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người đại diện theo pháp luật của UBND phường N là ông Đỗ Ngọc Thtrình bày:

Thửa đất số 52 tờ bản đồ số 22 phường N do ông Nguyễn Thanh V đang quản lý, sử dụng đo đạc thực tế 200,6 m² tăng 8,2 m² so với diện tích 192,4 m² ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích tăng thêm tại phía Nam thửa đất, nằm trong phần diện tích anh V mượn đất của UBND phường N để mở rộng thêm quán cà phê.

Phần diện tích tăng thêm là đất do UBND phường N quản lý, không nằm trong diện tích đất anh V được Nhà nước công nhận nên đề nghị Tòa án chỉ chấp nhận xử lý tài sản thế chấp của anh V trong phạm vi diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 192,4 m².

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường N chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh V và chị Nguyễn Thị Q chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Thanh V và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam 1.466.826.989 đồng và khoản tiền lãi phát sinh, trường hợp anh V, chị Q không trả được nợ, ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 52 tờ bản đồ số 22 phường N, diện tích 192,4 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn anh Nguyễn Thanh V ở tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi liên quan UBND phường N vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh V và người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị Q

[3] Về nội dung:

Theo hợp đồng tín dụng số 1601-LAV-210005623 ngày 20/01/2021, Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam cho anh Nguyễn Thanh V vay 1.320.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh quán cà phê và mua bán cà phê nước giải khát các loại. Thời hạn vay: 12 tháng; kể từ ngày 10/01/2022 đến ngày 10/01/2023. Kỳ hạn gốc: Trả 1 lần khi đáo hạn khoản vay, trả lãi vào ngày 21 hàng tháng, lãi suất: theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 22/8/2023, ông Nguyễn Thanh V đã trả cho ngân hàng tiền lãi là 102.605.218 đồng và tiền gốc là 0 đồng, còn nợ ngân hàng tiền gốc 1.320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 16.231.480 đồng, lãi quá hạn 109.361.096 đồng, lãi chậm trả 1.049.395 đồng.

Theo giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số LAV 21000563111601 ngày 21/01/2021, ngân hàng đã phát hành cho anh Nguyễn Thanh V thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, anh V đã sử dụng thẻ tín dụng và cam kết nhận nợ, tính đến ngày 22/8/2023 anh V còn ngân hàng nợ gốc 14.587.319 đồng, nợ lãi 5.597.699 đồng, tổng cộng 20.185.018 đồng.

Tổng cộng hai khoản, anh V còn nợ ngân hàng 1.466.826.989 đồng. Bị đơn anh V đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện nhưng anh V không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của ngân hàng. Do bên vay vi phạm cam kết mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Thị Q, vợ của anh V khai có biết việc anh V vay tiền và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, anh V sử dụng tiền vay vì mục đích phục vụ kinh tế gia đình. Đồng thời chị Q cũng đã cam kết với ngân hàng về việc cùng với anh V trả nợ cho ngân hàng. Do vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh V, chị Q phải trả toàn bộ khoản nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng thế chấp số 16/2021/HĐTC-CN ngày 21/1/2021, thể hiện giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam và bị đơn anh Nguyễn Thanh V có ký hợp đồng thế chấp, theo hợp đồng anh V đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 22, tại phường N, thị xã Đức Phổ, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Ngãi, chi nhánh Đức

Phổ, do vậy hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Diện tích thửa đất đo đạc thực tế là 200,6 m². Phần diện tích tăng thêm là do anh V mượn thêm đất của UBND phường N để mở rộng quán cà phê. Ngân hàng chỉ yêu cầu xử lý đối với phần diện tích 192,4 m² như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không ảnh hưởng đến phần đất do UBND phường N quản lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản trên đất là quán cà phê của anh V, chị Q. Theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng thế chấp, toàn bộ cây trồng, vật phụ, diện tích cải tạo, đầu tư trên đất cũng thuộc tài sản bảo đảm. Mặt khác chị Q cũng thống nhất thanh lý tài sản tại thửa đất mà anh V đã thế chấp để trả nợ. Do vậy việc ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu xử lý tài sản là 192,4 m² đất và tài sản trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 22, tại phường N, thị xã Đức Phổ trong trường hợp anh V và chị Q không trả được nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 318, 320, 323 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Thanh V, chị Nguyễn Thị Q không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu chi phí này, nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam đã nộp tạm ứng nên anh V, chị Q phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền này.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh V và chị Q phải chịu 56.005.000 đồng án phí dân sự.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 318, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam, buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q phải trả cho Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam : 1.466.826.989 đồng (*một tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn chín trăm tám mươi chín đồng*), trong đó theo hợp đồng tín dụng số 1601 LAV 210005623

ngày 20/01/2021, nợ gốc là 1.320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 16.231.480 đồng, tiền lãi quá hạn 109.361.096 đồng, lãi chậm trả 1.049.395 đồng; theo giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng quốc tế số LAV 21000563111601 ngày 21/01/2021, nợ gốc là 14.587.319 đồng, nợ lãi 5.597.699 đồng.

Kể từ ngày 23/8/2023 anh Nguyễn Thanh V , chị Nguyễn Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Thanh V , chị Nguyễn Thị Q không thanh toán được nợ, ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh V , chị Q tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 22 phường N , thị xã Đức Phổ, diện tích 192,4 m². *(sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Thanh V , chị Nguyễn Thị Q phải chịu chi phí này, nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam đã nộp tạm ứng nên anh V , chị Q phải hoàn trả cho ngân hàng 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)*.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V , chị Nguyễn Thị Q phải chịu 56.005.000 đồng *(năm mươi sáu triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam 26.163.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004186 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hồng Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Huỳnh Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

